

TẠI SAO ĐÔNG Á ĐÃ VƯỢT QUA MỸ LA TINH VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Trần Kiên

Vào năm 1950, ngoại trừ các nước công nghiệp, Mỹ Latinh chính là khu vực phát triển nhất thế giới với mức GDP đầu người thực tế cao gấp 2,5 lần của Đông Á (ngoại trừ Trung Quốc và Nhật Bản) và bằng khoảng ¼ của Mỹ. Tuy nhiên vào đầu thế kỷ 21, vị trí này đã đảo ngược: tỷ lệ GDP đầu người thực tế của Đông Á so với Mỹ đã tăng hơn gấp đôi trong khi con số này của Mỹ Latinh lại giảm xuống (xem bảng 1).

Điều gì đã làm nên sự thay đổi lớn này? Rõ ràng là nhiều yếu tố cần được xem xét, bao gồm cả sự khác biệt trong điều kiện ban đầu của các quốc gia như tác động của văn hóa, truyền thống lịch sử và tài nguyên thiên nhiên. Có nhiều yếu tố có thể được coi như có tác động quyết định tới sự phát triển phản ánh những điều kiện ban đầu này như: địa lý (tài nguyên thiên nhiên, khoảng cách từ xích đạo hoặc từ các thị trường chủ yếu), hội nhập (thương mại và các cải cách chính sách khác) và các thể chế.

Về mặt địa lý thì không có sự khác biệt đáng kể giữa Mỹ Latinh và Đông Á. Cả 2 khu vực đều có những quốc gia giàu và nghèo tài nguyên, đều có những phần diện tích tương tự trong khu vực xích đạo và cũng có khoảng

cách địa lý tương tự tới những thị trường thương mại lớn.

Đối với yếu tố hội nhập và các thể chế, một sự so sánh về kinh nghiệm phát triển gần đây của Đông Á và Mỹ Latinh cho thấy 3 yếu tố có thể là nguyên nhân chính cho sự tụt hậu của kinh tế Mỹ Latinh trong nửa cuối của thế kỷ 20: sự bất ổn về kinh tế vĩ mô; mức độ hội nhập với kinh tế toàn cầu thấp và chất lượng kém của các thể chế công.

khủng hoảng nợ khu vực. Mức thu nhập bình quân thực tế tăng lên vào thập niên 90 nhưng chỉ ở mức 1,9% trong khi tỷ lệ thất nghiệp tăng lên đến 10% vào cuối thập kỷ. Tăng trưởng thu nhập thực tế trong nửa cuối thập kỷ 90 yếu hơn so với cả thập kỷ và chỉ ở mức 0 trong giai đoạn 1998-2003, mặc dù đã có một sự phục hồi đáng khích lệ kể từ đó. Để so sánh, tăng trưởng GDP thực ở Đông Á đạt trung bình

Bảng 1: Đông Á đã vượt lên trước trong khi Mỹ Latinh mất đà

Tỷ lệ so với thu nhập bình quân đầu người của Mỹ, tính bằng ngang giá sức mua USD năm 1990

	1950	2001
Đông Á ¹	0,057	0,151
Đông Á (trừ Trung Quốc)	0,097	0,215
Mỹ Latinh	0,263	0,208

Ghi chú: ¹ gồm: Trung Quốc, Hong Kong SAR, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan cộng thêm Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan.

Quá nhiều sự bất ổn định về kinh tế vĩ mô:

Hầu hết sự khác biệt trong tăng trưởng giữa 2 khu vực này xảy ra vào phần tư cuối của thế kỷ 20. Với toàn bộ Mỹ Latinh, tăng trưởng kinh tế đặc biệt yếu trong những năm 80 – còn được gọi là thập kỷ bị đánh mất (lost decade) – khi GDP thực tế bình quân đầu người giảm gần 1% tiếp sau cuộc điều chỉnh do

khoảng 6%/năm trong cùng giai đoạn. Thêm vào đó, tăng trưởng ở Mỹ Latinh kém ổn định hơn nhiều so với Đông Á từ năm 1980.

Các chỉ số kinh tế vĩ mô khác cũng cho thấy sự khác nhau rất đáng kể giữa 2 khu vực: tỷ lệ tiết kiệm nội địa và đầu tư, độ mở cửa thương mại và độ sâu tài chính ở Đông Á cao hơn hẳn Mỹ Latinh. So sánh tỷ lệ những hộ

rất nghèo (sống dưới 1USD/ ngày) và sự bất bình đẳng về thu nhập cũng cho thấy có sự khác biệt đáng kể. Các chỉ số này ở Mỹ Latinh có rất ít hoặc không có sự thay đổi trong giai đoạn 1980-2000 trong khi đây chính là các chỉ số quan trọng đo lường sự phát triển.

Điều này đã làm tăng sự bất ổn định trong tỷ lệ tăng trưởng. Số liệu trong Bảng 2 cho thấy, trong 2 thập kỷ vừa qua, sự biến động trong luồng vốn từ bên ngoài không khác biệt nhiều giữa 2 khu vực. Tuy nhiên, Đông Á được trang bị tốt hơn để trụ vững với các cú sốc từ bên ngoài do các luồng vốn không ổn định bởi vì vị thế tài khóa của chính phủ tốt hơn, nợ nước ngoài của khu vực công thấp hơn và xuất khẩu mạnh mẽ hơn. Khu vực này thậm chí cũng hồi phục nhanh hơn từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997-98 và đã đi lại vào quỹ đạo tăng trưởng mạnh mẽ.

Bảng 2: Sự khác biệt ngày càng tăng giữa Đông Á và Mỹ Latinh

	1971-80		1981-90		1991-2000		2000-2005	
	EA	LAC	EA	LAC	EA	LAC	EA	LAC
GDP thực/đầu người	4,8	3,6	6,1	-0,6	7,0	1,8	7,0	1,0
Chỉ số giá tiêu dùng	10,3	30,9	6,3	337,7	5,9	45,4	2,6	8,6
	(% GDP)							
Luồng vốn từ nhân	4,3	5,2	4,9	5,8	2,5	3,9
Tổng đầu tư nội địa	28,8	23,4	31,4	21,3	34,2	21,2	32,7	19,8
Tổng tiết kiệm quốc gia	30,1	20,0	30,9	19,5	35,6	18,2	36,8	19,6
Triển rộng (Broad Money)	29,5	17,7	58,6	27,6	100,4	36,1	139,4	35,9
Thâm hụt ngân sách chung	-0,3	-2,2	-1,5	-3,7	-1,5	-1,6	-1,8	-2,4
Xuất khẩu và nhập khẩu (hàng hóa và dịch vụ)	41,2	28,3	51,8	30,2	65,9	33,2	77,6	45,9
Cán cân thương mại	1,0	-2,2	1,1	2,2	1,8	-1,5	4,0	0,9
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	0,8	0,2	1,9	0,7	3,3	3,2	2,5	3,7

Ghi chú: EA: Đông Á; LAC: Mỹ Latinh và Caribbean

Nền tảng của những khác biệt đó là do Mỹ Latinh thiếu các chính sách kinh tế có tính nhất quán và ổn định. Thiếu đi một môi trường chính sách ổn định với lạm phát tương đối thấp, tỷ giá hối đoái cạnh tranh và lãi suất thực dương rõ ràng là gây hại rất lớn cho tăng trưởng và các quyết định đầu tư dài hạn. Trong khi đó, ngay từ rất sớm sau thế chiến thứ 2, các chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn đã là nền tảng của hầu hết các nền kinh tế Đông Á. Chúng đã giúp Đông Á thiết lập được danh tiếng về cán trọng tài khóa, nợ công thấp và tỷ lệ tiết kiệm nội địa cao.

Ngược lại, Mỹ Latinh lại có tiếng về truyền thống mất ổn

tài khóa nhưng các yếu tố bất ổn định kinh tế vĩ mô khác đã từng làm hại đầu tư và tăng trưởng vẫn tiếp tục tồn tại.

Chính sách tài khóa. Mức thâm hụt tài khóa trung bình so với GDP đã giảm đáng kể khắp Mỹ Latinh trong những năm 90 nhưng chính sách tài khóa ở nhiều quốc gia vẫn mang tính chu kỳ (tăng vọt trong thời kỳ tăng trưởng và sụt giảm mạnh trong thời kỳ suy thoái), theo chu kỳ kinh tế) và lệ thuộc nặng nề vào tài trợ từ bên ngoài (trong đó các luồng vốn tư nhân nhiều biến động lại chiếm tỷ trọng lớn và đây chính là nhân tố quan trọng đóng góp vào các cuộc khủng hoảng tài khoản vốn).

Số ổn định của hệ thống tài chính. Trong 2 thập niên gần đây, theo số liệu của World Bank, Mỹ Latinh là nơi xảy ra nhiều cuộc khủng hoảng ngân hàng mang tính hệ thống hơn bất kỳ khu vực nào trên thế giới, trừ Hạ Sahara. Trong nhiều trường hợp, những cuộc khủng hoảng này là hậu quả của các chu kỳ bùng nổ-suy sụp có nguyên nhân từ sự bất ổn về tài khóa và sự chững lại đột ngột trong luồng vốn tư nhân, nhưng nó cũng phản ánh sự yếu kém trong quản lý ngân hàng - đặc biệt là các ngân hàng nhà nước - và hệ thống luật lệ chưa hoàn thiện. Những cuộc

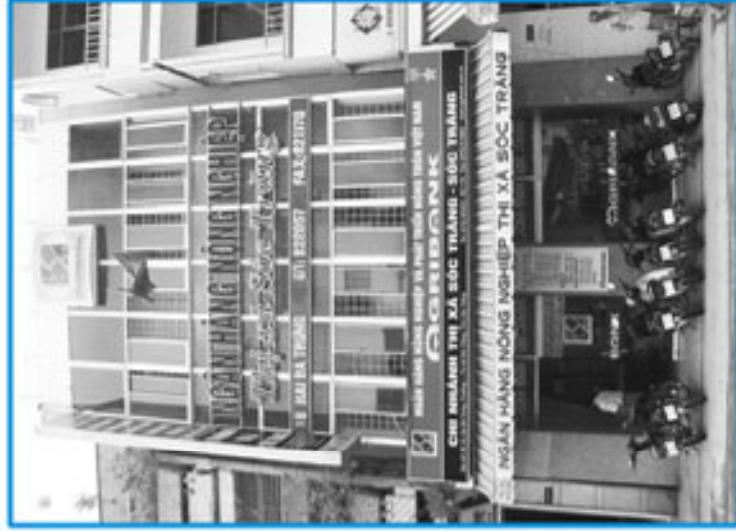


NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỊ XÃ SÓC TRĂNG

Số 18 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Sóc Trăng.

Tel: (079) 822057 - 823031 - 821170

Fax: (079) 614663



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Nhận mở tài khoản và huy động các loại tiền gửi: Thanh toán, tiết kiệm, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi v.v... Bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các tổ chức và cá nhân với nhiều hình thức linh hoạt, thuận tiện với lãi suất phù hợp. Đặc biệt là hình thức tiền gửi tiết kiệm hưởng lãi suất bậc thang rất tiện lợi cho khách hàng.
- Chuyển tiền điện tử trong và ngoài nước theo yêu cầu khách hàng, đảm bảo an toàn, nhanh chóng, thuận tiện.

• Thực hiện các nghiệp vụ đầu tư tín dụng, ngân hạn, trung hạn, ủy thác đầu tư cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cá nhân và hộ sản xuất nông - lâm ngư - diêm nghiệp với thủ tục đơn giản.

• Thực hiện các dịch vụ đa năng; mua bán ngoại tệ, chi trả kiều hối; phát hành các loại thẻ: ATM, thẻ ghi nợ...; cho vay tiêu dùng; xây dựng và sửa chữa nhà ở; cầm đồ; dịch vụ thuê mua tài chính đối với các tổ chức và cá nhân dễ dàng, uy tín và hiệu quả.



*Đến với Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn chúng tôi,
Quý khách sẽ được tiếp đón ân cần, phục vụ tận tình, hướng dẫn chu đáo.*

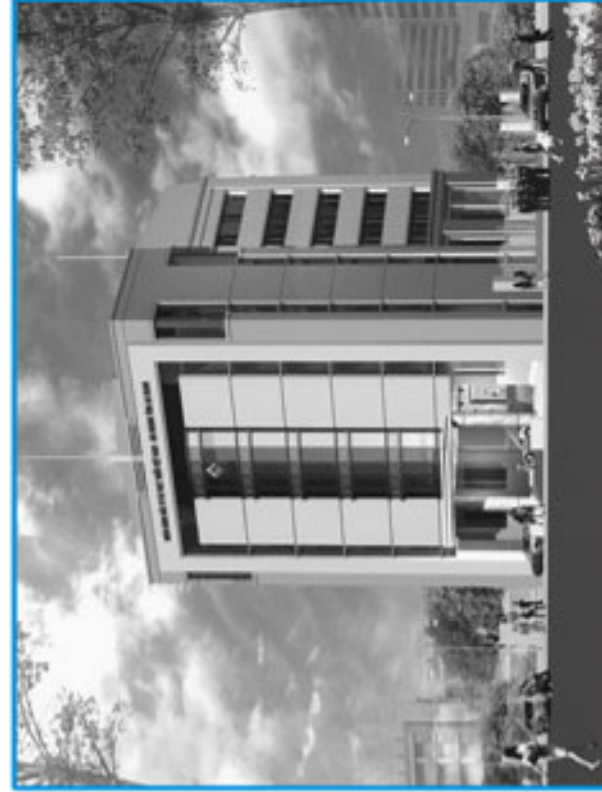


BIDV

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH AN GIANG

Tên giao dịch quốc tế: BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT
OF VIET NAM ANGIANG BRANCH

Địa chỉ trụ sở: 49-51-53 Nguyễn Huệ B- Thành phố Long Xuyên- An Giang
Tel: (076) 843.296 ; Fax: (076) 944.990



NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng có chất lượng cao, tiện ích tốt nhất phù hợp theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.

● Huy động vốn bằng VND và ngoại tệ từ nguồn vốn trong nước bằng nhiều hình thức: tiền gửi tiết kiệm, kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi thanh toán.

● Cho vay vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đối với mọi thành phần kinh tế và các ngành nghề, tài trợ xuất-nhập khẩu, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất và các giấy tờ có giá khác.

● Cho vay vốn đầu tư các dự án có hiệu quả, đầu tư phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-kỹ thuật...

● Cho thuê tài chính, đóng tài trợ, bảo lãnh, đại lý bảo hiểm...

● Kinh doanh ngoại tệ, dịch vụ chuyển tiền điện tử thanh toán trong nước, chi trả kiều hối, thanh toán quốc tế, dịch vụ thẻ rút tiền tự động ATM, thẻ visa, dịch vụ chuyển tiền Western union, chi trả lương hộ, vấn tin số dư tài khoản tự động, giữ hộ giấy tờ có giá và nhiều dịch vụ ngân hàng khác.

HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA ĐƠN VỊ:

■ Tăng trưởng bền vững với yêu cầu chất lượng, hiệu quả, an toàn, phục vụ đắc lực cho đầu tư phát triển, góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

■ Nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm, dịch vụ của một ngân hàng đã đạt giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt" trên thương trường ngày càng tốt hơn. Phần đầu xây dựng trở thành một Ngân hàng mạnh có uy tín trong khu vực.

■ Đời sống của cán bộ, nhân viên được nâng cao toàn diện về vật chất lẫn tinh thần.

Phương châm hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang là:

"Hiệu quả kinh doanh của khách hàng là mục tiêu hoạt động của Ngân hàng"

khủng hoảng này, đến lượt nó, có khuynh hướng làm trầm trọng thêm vấn đề về nợ công của các quốc gia trong khu vực do việc giải quyết hậu quả khủng hoảng đòi hỏi phải có sự can thiệp của chính phủ với hỗ trợ tài chính, trong một số trường hợp, vượt quá 20% GDP.

Hệ thống tài chính bất ổn trong thời gian dài cũng dẫn tới một tỉ lệ tương đối thấp trung gian tài chính, mở rộng việc sử dụng đồng USD trong các giao dịch tài chính nội địa và tỷ lệ lãi suất cao (với sự chênh lệch lớn giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiết kiệm nội địa). Cùng vào thời điểm đó, luồng tín dụng ngân hàng cho khu vực tư nhân ở hầu hết các nước Mỹ Latinh ở mức thấp hơn 30% GDP trong nửa cuối của những năm 90.

Ngược lại, Đông Á khó có thể làm tốt hơn những thành công đã làm được. Điển hình trong những năm 90, tỷ số trung gian tài chính (financial intermediation ratios) ở các nền kinh tế Đông Á (được đo lường bởi tỷ lệ tiền rộng so với GDP) là trên 90% và luồng tín dụng cho khu vực tư nhân nói chung vượt mức 80% GDP. Trong khi Đông Á cũng gặp phải các vấn đề về ngân hàng (đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng 1997-1998), tỷ lệ lãi suất thực nói chung chỉ ở mức 1 con số chứ không biến động nhiều hoặc liên tục được duy trì ở mức cao như ở nhiều quốc gia Mỹ Latinh. Vì lẽ đó, tỷ lệ đầu tư ở Đông Á cao hơn hẳn Mỹ Latinh.

Tỷ giá hối đoái. Một khía cạnh khác của sự bất ổn định về kinh tế vĩ mô là sự khác biệt giữa 2 khu vực liên quan tới hành vi của tỷ giá hối đoái. Chìa khóa chính trong việc thi hành các cải cách kinh tế vĩ mô ở khu vực Mỹ Latinh từ cuối những năm 80 là giảm bớt các rào cản thương mại và hướng về một tỷ giá hối đoái cạnh tranh hơn. Trong cả 2 khía cạnh, Mỹ Latinh đều có truyền thống đi chậm đàng sau Đông Á. Thêm vào đó trong những năm 90, tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá hối đoái thực, có khuynh hướng bị lên giá một cách đáng kể ở

Trong khi Mỹ Latinh đã đi sau Đông Á trong việc thiết lập các điều kiện cho sự ổn định kinh tế vĩ mô cần thiết để duy trì tăng trưởng và phát triển, nó cũng đi sau trong lĩnh vực hội nhập với nền kinh tế toàn cầu và tính cạnh tranh trong khu vực hàng xuất khẩu. Vào năm 2000, xuất khẩu của Mỹ Latinh chỉ chiếm 5,5% trong tổng xuất khẩu toàn cầu, không thay đổi từ năm 1980 (xem Bảng 3). Cùng trong giai đoạn đó, tỷ trọng xuất khẩu của Đông Á đã tăng hơn gấp đôi, từ 8% lên tới 20% trong tổng xuất khẩu toàn cầu.

Bảng 3: Kết quả của hội nhập. Đông Á đã thu được nhiều lợi ích hơn Mỹ Latinh từ sự bành trướng của thương mại toàn cầu

	1980	1990	2000
	(% của xuất khẩu toàn thế giới)		
Đông Á	8,0	13,0	20,0
Mỹ Latinh	5,5	4,2	5,6
	(% của nhập khẩu toàn thế giới)		
Đông Á	8,6	12,5	18,0
Mỹ Latinh	6,1	3,7	5,9

Mỹ Latinh, đảo ngược quá trình trong thập kỷ trước đó. Đó là kết quả của việc phải thương xuyên sử dụng tỷ giá hối đoái như một mỏ neo để đạt tới việc ổn định giá cả trong nội địa, đặc biệt vào đầu những năm 90. Gần đây hơn, các quốc gia Mỹ Latinh đã chuyển hướng sang các chế độ tỷ giá linh hoạt hơn, nhiều nước đã sử dụng có hiệu quả lạm phát mục tiêu như một mỏ neo.

Ít hội nhập hơn với nền kinh tế toàn cầu.

Hầu hết sự tăng trưởng trong thương mại nội ngành (intra-industry) ở Đông Á là do xuất khẩu hàng công nghệ cao (như các thiết bị điện tử và công nghệ viễn thông), thuộc vào nhóm các loại hàng hóa có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong thương mại toàn cầu. Ở Mỹ Latinh, ngoại trừ Brazil và Mexico, tăng trưởng xuất khẩu dựa chủ yếu trên tài nguyên thiên nhiên và hàng xuất khẩu có ít và vừa công nghệ. Do đó, ngược với Đông Á là nơi tỷ trọng hàng chế

tạo xuất khẩu đã tăng lên rất nhiều, tỷ lệ đó của Mỹ Latinh vẫn rất thấp. Ngoại trừ Mexico, tỷ trọng hàng chế tạo của Mỹ Latinh trong nền kinh tế toàn cầu chỉ là 2%, một tỷ lệ còn thấp hơn mức vào năm 1980. Trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay, hệ thống sản xuất quốc tế cho các hàng hóa như ô tô, hàng điện tử và may mặc ngày càng trở nên phân mảnh giữa biên giới các quốc gia và tỷ lệ trao đổi thương mại của các hàng chế biến (hầu hết dưới hình thức thương mại nội bộ doanh nghiệp) đã tăng lên 80% tổng thương mại và Đông Á đã thu được lợi nhiều hơn Mỹ Latinh nhiều từ mô thức thương mại toàn cầu như vậy.

Chìa khóa quan trọng trong sự năng động về thương mại được mô tả ở trên chính là nhờ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bởi các công ty đa quốc gia. Đông Á không chỉ nhận được nhiều luồng FDI hơn Mỹ Latinh mà luồng FDI vào Đông Á cũng hầu hết được hướng vào các ngành chế tạo và điều này giúp kích thích xuất khẩu. Ở Mỹ Latinh trong giai đoạn 1996-2000, khoảng một nửa số vốn FDI là dành cho lĩnh vực thôn tính và sáp nhập (mergers and acquisitions) liên quan tới việc tư nhân hóa các DNNN công ích và ngân hàng nội địa. Hầu hết phần còn lại được dùng cho việc - đặc biệt là ở các quốc gia Southern Cone và Andean - khai thác khoáng sản thiên nhiên (khai mỏ, dầu hỏa, rừng) khi những hạn chế về sự tham

gia của tư nhân và người nước ngoài trong lĩnh vực này được giảm bớt trong các nỗ lực cải cách. Một số các quốc gia Caribbean và Trung Mỹ như Costa Rica và Cộng hòa Dominican đã đi theo mô hình của Mexico, sử dụng FDI để hỗ trợ xuất khẩu vào thị trường Mỹ các thành phần điện tử và dệt may, dựa chủ yếu trên đầu vào nhập khẩu và sản xuất khép kín trong các khu chế xuất. Tuy nhiên, hầu hết các nền kinh tế này vẫn còn khép kín hơn các quốc gia Đông Á. Mexico là một trong những quốc gia Mỹ Latinh đã đến gần nhất với mô hình Đông Á trong các nỗ lực xuất khẩu.

Sự khác nhau trong vốn FDI cũng tác động tới khả năng công nghệ và thương mại nội vùng, khiến Mỹ Latinh không thể hiện đại hóa công nghiệp của họ nhanh như Đông Á. Động lực trong đầu tư và xuất khẩu của Đông Á cũng được tăng cường bởi các lực vùng (hoặc tác động láng giềng (neighborhood effects) tích cực). Thương mại nội vùng đã tăng rất nhanh giữa các quốc gia Đông Á và vào cuối thập kỷ trước, nó đã chiếm khoảng 37% tổng thương mại của vùng; với Mỹ Latinh, thương mại nội vùng chỉ chiếm khoảng 18% tổng luồng thương mại. Hiện tượng này có khả năng còn tăng lên với Đông Á do vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc như nhà xuất khẩu chính của thế giới và là đích đến của các luồng FDI.

Cần các thể chế công tốt hơn.

Các thể chế ngày càng được coi như là nguyên nhân chính của sự khác biệt trong tăng trưởng giữa các quốc gia. Các nhà phân tích đã xác định 3 lĩnh vực mà các thể chế chính phủ đã giúp làm vững chắc thêm sự tăng trưởng của Đông Á. Đầu tiên là thành tích tốt về sự nhất quán trong chính sách của chính phủ: độ tin cậy về mặt chính sách và ổn định chính trị, cùng với môi trường kinh tế vĩ mô ổn định đã là cơ sở kích thích đầu tư dài hạn ở Đông Á. Yếu tố thứ 2 là việc coi phát triển kinh tế là mục tiêu chiến lược của quốc gia. Một tầm nhìn mang tính chiến lược như vậy của các lãnh đạo quốc gia là đặc tính nổi bật của Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore và Đài Loan.

Thứ ba, sức mạnh và tính độc lập của giới quan chức chính phủ cũng là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Đông Á và đây cũng thường là điều rất yếu ở Mỹ Latinh. Các chính quyền Châu Á thường có khuynh hướng khuyến khích giới quan chức phát triển các kỹ năng chuyên môn, lựa chọn những người xứng đáng để phục vụ trong các cơ quan công quyền, cách ly họ khỏi các tác động chính trị và thi hành các chính sách kinh tế với sự tham vấn chặt chẽ của các nhóm kinh doanh. Để việc thực hiện quyết định được hiệu quả hơn, họ đã thiết lập các cơ quan có thẩm quyền phối hợp rộng rãi để chuyển tầm nhìn chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế

thành những hành động cụ thể. Ủy ban Phát triển Kinh tế Singapore là một ví dụ sáng chói cho một thể chế như vậy. Singapore là một trong những quốc gia xếp hàng đầu thế giới về chất lượng của các thể chế công và 7 quốc gia Đông Á được điều tra trong *Báo cáo về khả năng cạnh tranh* của World Economic Forum đều nằm ở nửa trên của bảng xếp hạng. Trong khi đó, hầu hết các quốc gia Mỹ Latinh lại nằm ở nửa dưới.

Dù Đông Á có các thể chế chính phủ mạnh, cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á cho thấy, trong một số trường hợp, sự phối hợp chặt chẽ giữa khu vực công và tư làm nảy sinh một số vấn đề nghiêm trọng trong quản lý công ty. Kinh nghiệm này cho thấy rằng một số thỏa thuận thể chế có thể có tác dụng ở một giai đoạn đầu của phát triển cần được thích nghi và chuyển hóa khi các cơ chế thị trường đã phát triển đầy đủ.

Mặc dù vẫn còn tồn tại một số vấn đề, nhưng việc có các yếu tố như: tầm nhìn chiến lược, tính nhất quán của các chính sách và sự tự trị của các quan chức trong các xã hội Đông Á vào giai đoạn phát triển sau chiến tranh đã bù đắp cho sự thiếu hụt các thể chế hoàn chỉnh dựa trên thị trường và các khuôn khổ luật pháp hỗ trợ phát triển kinh tế như trong các xã hội phát triển. Trong khi đó, những yếu tố này lại không đặc biệt nổi trội ở Mỹ Latinh, nơi nhiều chính phủ bị nắm giữ bởi các nhóm lợi ích đặc biệt hoặc bị thống

trị bởi các đảng phái chính trị chủ yếu tập trung vào việc phân phối lợi ích cho các thành phần được ưu đãi của xã hội. Đối với sức mạnh của giới quan chức, gần đây có những ví dụ tích cực (như ở Brazil, Chile và Mexico) về các Bộ Tài chính mạnh và các Ngân hàng Trung ương độc lập nhưng truyền thống công chức chuyên nghiệp nói chung chưa được thúc đẩy. Thường thì các vị trí trong chính phủ là phần thưởng cho sự ủng hộ chính trị đối với đảng cầm quyền.

Không như Đông Á, những thành tích kinh tế gần đây của Mỹ Latinh rõ ràng là sự pha trộn giữa cải cách và lợi ích thu được từ toàn cầu hóa. Có thể nêu ở đây 4 bài học then chốt cho chính sách kinh tế rút ra từ sự so sánh những kinh nghiệm này.

Đầu tiên, để giúp tăng trưởng bền vững, yếu cầu về ổn định kinh tế vĩ mô không chỉ đơn giản là giữ lạm phát thấp và kiểm soát tài khóa. **Sự lạnh mạnh và ổn định của hệ thống tài chính là thành phần thiết yếu của một khuôn khổ kinh tế vĩ mô thích hợp cho phát triển.** Một tỷ giá hối đoái và lãi suất thực trong nội địa ổn định và có tính cạnh tranh cũng rất quan trọng.

Thứ hai, bất kể có sự tranh luận trong quá khứ về tầm quan trọng tương đối của nhà nước và thị trường trong quá trình phát triển, **chính phủ có một vai trò cực kỳ quan trọng trong hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế**

thông qua việc thiết lập cơ sở hạ tầng tốt, hỗ trợ việc huấn luyện tay nghề và tiếp thu công nghệ, kích thích xuất khẩu và thu hút FDI.

Thứ ba, do chính phủ có vai trò chủ động tích cực trong quá trình phát triển, **tính chính trực của các thể chế công cần được bảo đảm.** Trong nhiều quốc gia, điều này đòi hỏi việc cải cách khu vực công một cách liên tục để hợp lý hóa hệ thống quan chức và thiết lập các tòa án độc lập. Cần cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ cho các sáng kiến chống tham nhũng và sự phát triển của các tổ chức xã hội dân sự để tăng cường giám sát các hành động của chính phủ.

Thứ tư, kinh nghiệm của Đông Á đã cho thấy rằng **các thể chế cần phù hợp với bối cảnh thực tế (context-specific) và phải được cải tiến để thích nghi theo thời gian.** Thiếu một khuôn khổ luật pháp tốt cho quyền sở hữu và giai đoạn đầu của sự phát triển sau Thế chiến thứ 2, các thỏa thuận khác, bao gồm cả sự phối hợp chặt chẽ giữa chính phủ và giới doanh nghiệp, các tín hiệu chính sách rõ ràng và các cơ quan hành chính công tốt đã cung cấp các thể chế hỗ trợ cần thiết cho việc đầu tư có hiệu quả. Tuy nhiên, ở giai đoạn sau của quá trình phát triển, kinh nghiệm cho thấy rằng những thỏa thuận này cần được bổ sung bởi các cơ cấu điều tiết và quản lý thích hợp để hỗ trợ cho một hệ thống dựa trên thị trường đang tiến hóa ■